TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 52/2021/HNGĐ.ST
Ngày: 21 - 12 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn
Và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sáu

2. Ông Trương Văn Ánh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ

- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 17, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 17, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/11/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc N qua mai mối và được hai bên gia đình đồng ý nên chúng tôi tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, có đăng

ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Bình Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấp chứng nhận kết hôn ngày 07/9/2009. Sau ngày cưới, anh chị sinh sống tại ấp T, xã L (Nay là thị trấn Q), huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc T, sinh ngày 22/11/2000 và Phạm Thế K, sinh ngày 01/12/2009, hiện cháu T đã trưởng thành, còn cháu K đang sống với mẹ.

Mâu thuẫn vợ chồng do thường xuyên xảy ra cải vã, anh N thường hay uống rượu về đến nhà thì vô cớ gây sự, không quan tâm chăm sóc cho vợ con, gia đình; cuộc sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay.

Chị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: được ly hôn với anh Phạm Ngọc N. Về con chung, được tiếp tục chăm sóc con chung là Phạm Thế K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, con chung Phạm Ngọc T đã thành viên nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản và nợ chung không yêu cầu xem xét.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, cuộc sống không có hạnh phúc. Anh N thường hay uống rượu và không quan tâm chăm sóc gia đình, vô cớ gây sự, chị đã hàn gắn khuyên bảo nhiều lần nhưng không có hạnh phúc mỗi người đã có cuộc sống riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét Chị NguyễnThị Kim H yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc N, anh N có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh Phạm Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 06/12/2021, ngày 21/12/2021 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh N là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét chị Kim H và anh N, kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ việc anh N không quan tâm đến gia đình, thường uống rượu gây sự vô cớ. Xét mâu thuẫn xảy ra đã lâu, chị Kim H đã hàn gắn, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không sửa đổi, tuy ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng, việc tiếp tục sống chung không có hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Kim H được ly hôn với N là có căn cứ.

[3] Xét về con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/11/2000 đã trưởng thành; Phạm Thế K, sinh ngày 01/12/2009, hiện đang chung sống với cha, mẹ; chị Kim H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, cháu K có nguyên vọng tiếp tục sống với mẹ, anh N chưa có ý kiến hay phản đối việc chị Kim H nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Kim H được tiếp tục nuôi đưỡng con chung là có căn cứ. Xét chị Kim H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung và nợ chung: Chị Kim H và anh N không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

1.1. Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Phạm Ngọc N.

1.2. Về con chung: Công nhận cho chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Thế K, sinh ngày 01/12/2009, anh Phạm Ngọc N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nôm, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)*, số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 0013286 ngày 09/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND thị trấn Tân Quới (h.Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Mười Hai